TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 59 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 9 – 2017
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Mạnh

Ông Trần Công Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:** Ông Dương Văn Sáu – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 168/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 04/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Vũ Thị N, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Tổ 04, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn P, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Tổ 04, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 4 năm 2017, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày:

Chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn P chung sống với nhau từ năm 1999, đến năm 2001 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 13/2011, cấp ngày 31/3/2011. Anh, chị chung sống với nhau đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do anh P hay rượu

chè, bài bạc, dẫn đến thường xuyên cải vã nhau, thời gian đầu thì anh P hay đánh đập chị N, chị N có khuyên ngăn anh P mà anh P vẫn không thay đổi; đến năm 2012 thì vợ chồng ít quan tâm đến nhau, anh P thường xuyên vắng nhà, thỉnh thoảng anh P có về nhà nhưng về nhà được một lúc lại đi, từ đó vợ chồng không còn tình cảm, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc; xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm T, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Văn T, sinh năm: 2000 và Nguyễn Văn K, sinh năm: 2003, nay ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Sau khi Tòa án đã thụ lý đơn kiện xin ly hôn của chị N, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh P không đến tòa án để giải quyết vụ kiện và tòa án đã mở hai phiên tòa xét xử nhưng anh P vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và đánh giá tại phiên tòa, trình bày của đương sự; xét thấy anh P đã được tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng anh P vẫn không có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án và hòa giải; anh P đã vắng mặt liên tiếp hai phiên tòa nên đề nghị xét xử vắng mặt anh P theo quy định; xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, hai anh chị không còn quan hệ gì đến nhau, Tòa án tạo điều kiện để anh chị hòa giải đoàn tụ nhưng anh P không có mặt tức là từ chối quyền hòa giải, cuộc sống chung không còn quan tâm đối với anh P nữa nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị N được ly hôn với anh P. Về con chung chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy do không lấy được ý kiến của anh P nên không xác định được yêu cầu của anh P nhưng căn cứ vào nguyện vọng của các con và xét thực tế các con hiện đang sinh sống với chị N nên đề nghị chấp

nhận yêu cầu của chị N, giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về nợ chung và tài sản chung không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Chị Vũ Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn P, anh P có nơi cư trú tại ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn P nhưng anh P không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôm nay anh P cũng vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 01 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh P tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 1999, đến năm 2011 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước nên hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 09 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay chị N xác nhận đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đến năm 2012 không ai còn quan tâm đến ai nữa, mạnh ai nấy sống, nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh P. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi chị N gửi đơn ly hôn tại Tòa án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tống đạt các văn bản tố tụng khác trực tiếp cho anh P nhưng anh P vẫn cố tình không ra tòa để làm việc, không tiến hành hòa giải đoàn tụ, thể hiện tình cảm của anh đối với chị N đã mâu thuẫn trầm trọng; mặt khác, theo biên bản xác minh ngày 29/6/2017 ấp trưởng ấp S, xã T, huyện H cho biết nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị N và anh P là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ngoài ra anh P hay rượu chè dẫn vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau, có khi xô xát nhau nên mâu thuẫn tình cảm giữa chị N và anh P đã đến mức trầm trọng. Từ những căn cứ trên xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh P và chị N đã trầm T, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài nên cần chấp N yêu cầu ly hôn của chị N để chị được ổn định cuộc sống sau này.

[3] Về con chung: chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy do không lấy được ý kiến của anh P nên không xác định được yêu cầu của anh P nhưng căn cứ vào nguyện vọng của các con và xét thực tế các con hiện đang sinh sống với chị N nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao hai con chung Nguyễn Văn T, sinh năm: 2000 và Nguyễn Văn K, sinh năm: 2003 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

[6 Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, Điều 39, Điều 207 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 09 và Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

Xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị N;

1. Chị Vũ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Giấy chứng N kết hôn số 13/2011, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước cấp ngày 31/3/2011 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: giao 02 con chung Nguyễn Văn T, sinh năm: 2000 và Nguyễn Văn K, sinh năm: 2003 cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có

4. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012117 ngày 17/5/ 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã T, huyện H;*
- *Đương sự;*
- *Lưu: HS.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Đình Học